

Unit 1: FAMILY LIFE

TEST 2

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from that of the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. character B. chemistry C. achieve D. scheme

- A. character /'kærɪktər/
- B. chemistry /'kemɪstri/
- C. achieve /ə'tʃi:v/
- D. scheme /ski:m/

Question 2: A. grocery B. homemaker C. responsible D. photograph

- A. grocery /'grɒsəri/
- B. homemaker /'hɒmmeɪkər/
- C. responsible /rɪ'spɔːnsəbl/
- D. photograph /'fɒtəgræf/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of stress in each of the following questions.

Question 3: A. moment B. routine C. value D. answer

- A. moment /'mɒmənt/
- B. routine /ru:'ti:n/
- C. value /'væljuː/
- D. answer /'ænsər/

Question 4: A. encourage B. develop C. consider D. celebrate

- A. encourage /ɪn'kʌrɪdʒ/
- B. develop /dɪ'veləp/
- C. consider /kən'sɪdər/
- D. celebrate /'selɪbreɪt/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5: My mother usually _____ to the market at 7 AM, but today she _____ at 8 AM.

- A. goes/is going B. is going/goes C. goes/goes D. is going/is going

Mẹ tôi thường _____ đi chợ lúc 7 giờ sáng, nhưng hôm nay bà ấy _____ lúc 8 giờ sáng.

Hành động diễn ra thường xuyên như một thói quen: hiện tại đơn S + VO/s/es

Hành động đang diễn ra tạm thời: hiện tại tiếp diễn S + am/is/are + V-ing

Question 6: Family vacations are a great way to _____ family bonds and escape the stresses of daily life.

- A. broaden B. weaken C. reduce **D. strengthen**

Kỳ nghỉ gia đình là một cách tuyệt vời để _____ sự gắn kết gia đình và thoát khỏi căng thẳng của cuộc sống hàng ngày.

- A. broaden (mở rộng)
B. weaken (làm yếu đi)
C. reduce (giảm bớt)
D. strengthen (củng cố)

Question 7: Parents should engage in activities that help develop children's _____ to family members and others around them.

- A. gratitude** B. boredom C. opinion D. difference

Cha mẹ nên tham gia vào các hoạt động giúp phát triển _____ của trẻ đối với các thành viên trong gia đình và những người xung quanh.

- A. gratitude (lòng biết ơn)
B. boredom (sự buồn chán)
C. opinion (quan điểm)
D. difference (sự khác biệt)

Question 8: Family _____ help ensure that children get enough sleep by setting consistent bedtimes.

- A. values **B. routines** C. gatherings D. bonds

Các _____ gia đình giúp đảm bảo rằng trẻ em có đủ giấc ngủ bằng cách đặt giờ đi ngủ nhất quán.

- A. values (giá trị)
B. routines (thói quen)
C. gatherings (buổi tụ họp)
D. bonds (mối quan hệ)

Question 9: It is important that both parents are _____ involved in raising their children.

- A. equalize **B. equally** C. equality D. equal

Dùng trạng từ bổ nghĩa cho tính từ

Read the following advertisement/announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 10 to 12.

WANT TO EXPERIENCE A MEMORABLE FAMILY VACATION?

Are you looking (10)_____ the perfect getaway that caters to the needs of your entire family?

Join ABC Family Travel for (11) _____ family vacations:

- Tailored family packages
- (12) _____ prices
- Fun and engaging activities for all ages

Contact us:

- Email: abcxyz@web.mail
- Address: 200 Sunshine Boulevard, Family Town

Question 10: A. up B. after C. for D. at

LOOK FOR = TÌM KIẾM

Bạn có đang tìm kiếm một kỳ nghỉ lý tưởng đáp ứng nhu cầu của toàn bộ gia đình bạn không?

Question 11: A. unforgettable B. regular C. common D. boring

Tham gia cùng ABC Family Travel cho các kỳ nghỉ gia đình (11) _____ :

- A. unforgettable (không thể nào quên, đáng nhớ)
- B. regular (thường xuyên)
- C. common (phổ biến)
- D. boring (nhàm chán)

Question 12: A. Crowded B. Affordable C. Interesting D. Expensive

AFFORDABLE PRICES = GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG

ANNOUNCEMENT OF FAMILY DAY EVENT

The School Youth Union would like to announce:

- All students (13) _____ to bring their family members to the Family Day event on June 15.
- Each family is encouraged to prepare a dish for the Family Potluck. Each dish should serve at least 4 people.
- Each family is invited to (14) _____ one game or activity (15) _____ with others during the event.
- Should you have any questions, please contact your class monitor.

Question 13: A. are requested B. requesting C. request D. have requested

Tất cả học sinh được yêu cầu mang theo các thành viên trong gia đình của mình đến sự kiện Ngày Gia đình vào ngày 15 tháng 6.

Question 14: **A. suggest** **B. organize** **C. bring** **D. provide**

Mỗi gia đình được mời để (14) _____ một trò chơi hoặc hoạt động.

- A. suggest (đề xuất)
- B. organize (tổ chức)
- C. bring (mang)
- D. provide (cung cấp)

Question 15: **A. share** **B. sharing** **C. shared** **D. to share**

Mỗi gia đình được mời để đề xuất một trò chơi hoặc hoạt động để chia sẻ.

ĐỀ = TO

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Question 16:

- a. Additionally, family traditions help create lasting memories and a sense of belonging.
- b. Finally, spending quality time together as a family strengthens relationships and communication.
- c. Firstly, family values play a crucial role in shaping a person's character and guiding their actions.
- d. Moreover, these values teach important life skills such as empathy, respect, and responsibility.
- e. Family values are fundamental in building a strong and supportive family unit.

A. e - c - d - a - b

B. c - e - d - a - b

C. e - a - d - c - b

D. c - d - e - a - b

- a. Ngoài ra, các truyền thống gia đình giúp tạo ra những kỷ niệm lâu dài và cảm giác thuộc về.
- b. Cuối cùng, việc dành thời gian chất lượng cùng nhau như một gia đình củng cố các mối quan hệ và giao tiếp.
- c. Trước tiên, các giá trị gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tính cách của một người và định hướng hành động của họ.
- d. Hơn nữa, những giá trị này dạy các kỹ năng sống quan trọng như sự đồng cảm, tôn trọng và trách nhiệm.
- e. Các giá trị gia đình là nền tảng trong việc xây dựng một đơn vị gia đình mạnh mẽ và hỗ trợ lẫn nhau.

Question 17:

- a. Besides, doing activities together can actually be fun and help build a stronger family bond.
- b. Dear John, I hope you are doing well! I've been reflecting on why it's important for families to spend time together.
- c. It's a good way for families to share experiences and learn new things.
- d. Firstly, it teaches us the value of teamwork and cooperation.
- e. Also, participating in family activities shows appreciation and respect for each other.
- f. Best regards.

A. b - d - e - a - c - f

B. b - e - d - a - c - f

C. b - a - d - e - c - f

D. b - d - a - e - c - f

- a. Ngoài ra, việc tham gia các hoạt động cùng nhau thực sự có thể rất vui và giúp xây dựng mối quan hệ gia đình mạnh mẽ hơn.
- b. John thân mến, tôi hy vọng bạn đang làm tốt! Tôi đã suy nghĩ về lý do tại sao việc dành thời gian cùng nhau trong gia đình lại quan trọng.
- c. Đó là một cách tốt để các gia đình chia sẻ trải nghiệm và học hỏi những điều mới.
- d. Trước tiên, nó dạy chúng ta giá trị của làm việc nhóm và hợp tác.
- e. Tham gia các hoạt động gia đình cũng thể hiện sự trân trọng và tôn trọng lẫn nhau.
- f. Trân trọng.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 23.

In modern society, there are various types of families, each with its own structure and dynamics. The nuclear family, which consists of parents and their children, is often seen as the traditional family unit. This type of family emphasizes close relationships and shared responsibilities among its members. However, there are (18)_____ that offer unique benefits.

The extended family includes additional relatives such as grandparents, aunts, uncles, and cousins. (19)_____ and a sense of tradition and continuity. Moreover, extended families often share resources and responsibilities, which can reduce the burden on individual members.

Single-parent families, where one parent is responsible for raising the children, are becoming more common. These families face unique challenges, such as balancing work and childcare, but they also show resilience and strength. (20)_____ and community resources for support.

Blended families, (21) _____, bring together children from previous relationships. Nevertheless, these families require flexibility, patience, and strong communication skills to navigate new dynamics and build harmonious relationships.

In conclusion, (22)_____ the diversity and adaptability of human relationships. (23)_____, contributing to the rich tapestry of our social fabric.

Question 18: **A.** another family structures

B. the other family structures

C. others family structures

D. other family structures

A. "another family structures" không đúng vì "another" chỉ dùng với danh từ số ít với nghĩa "khác", còn "family structures" là danh từ số nhiều.

B. "the other family structures" không sai ngữ pháp nhưng không phù hợp với ngữ cảnh so sánh nhiều loại cấu trúc gia đình.

C. "others family structures" không đúng ngữ pháp vì "others" không đi kèm với danh từ.

D. "other family structures" đúng ngữ pháp và phù hợp ngữ cảnh.

Tuy nhiên, có những cấu trúc gia đình khác mang lại những lợi ích độc đáo.

Question 19: **A. Living in an extended family can provide a strong support network**

B. Live in an extended family can provide a strong support network

C. Living in an extended family should provide a strong support network

D. Living in an extended family should provide a strong network support

B. "Live in an extended family can provide a strong support network" không đúng ngữ pháp vì thiếu chủ ngữ.

C. "Living in an extended family should provide a strong support network" không phù hợp ngữ cảnh, dùng "should" không hợp lý.

D. "Living in an extended family should provide a strong network support" không hợp lý vì cấu trúc từ "network support" không tự nhiên.

A. "Living in an extended family can provide a strong support network" đúng ngữ pháp và ý nghĩa.

Sống trong gia đình mở rộng có thể cung cấp một mạng lưới hỗ trợ mạnh mẽ.

Question 20: **A. Single parents rely often on extended family**

B. Single parents often rely on nuclear family

C. Single parents rely on nuclear family often

D. Single parents often rely on extended family

A. "Single parents rely often on extended family" không đúng ngữ pháp vì vị trí của "often" không đúng.

B. "Single parents often rely on nuclear family" không đúng vì "nuclear family" không phải là câu trả lời đúng trong ngữ cảnh này.

C. "Single parents rely on nuclear family often" không đúng ngữ pháp vì vị trí của "often" không đúng.

D. "Single parents often rely on extended family" đúng ngữ pháp và phù hợp ngữ cảnh.

Các bậc cha mẹ đơn thân thường dựa vào gia đình đa thế hệ để được hỗ trợ.

Question 21: **A. forming when two families unite through marriage**

B. formed when two families unite through marriage

C. to form when two families unite through marriage

D. form when two families unite through marriage

A. "forming when two families unite through marriage" không đúng ngữ pháp vì cần dạng phân từ quá khứ mang nghĩa bị động

C. "to form when two families unite through marriage" không đúng ngữ pháp và không phù hợp ngữ cảnh.

D. "form when two families unite through marriage" không đúng ngữ pháp vì thiếu động từ.

B. "formed when two families unite through marriage" đúng ngữ pháp giản lược và phù hợp ngữ cảnh bị động.

Được hình thành khi hai gia đình kết hợp thông qua hôn nhân.

Question 22: **A. understanding the different types of families helps us appreciate**

B. understanding the types of different families helps us appreciate

C. understanding helps us appreciate the different types of families

D. understanding helps us to appreciate the different types of families

B. "understanding the types of different families helps us appreciate" không tự nhiên và không chính xác về ngữ pháp.

C. "understanding helps us appreciate the different types of families" không rõ ràng về chủ ngữ và không phù hợp về nghĩa

D. "understanding helps us to appreciate the different types of families" không rõ ràng về chủ ngữ và không phù hợp về nghĩa.

A. "understanding the different types of families helps us appreciate" đúng ngữ pháp và phù hợp ngữ cảnh.

Hiểu các kiểu gia đình khác nhau giúp chúng ta trân trọng.

Question 23: A. Each type of family has its own strengths and challenges

B. Each type of family has their own strengths and challenges

C. Many types of family has their own strengths and challenges

D. Many types of family have its own strengths and challenges

B. "Each type of family has their own strengths and challenges" không đúng ngữ pháp vì "each" phải đi với "its".

C. "Many types of family has their own strengths and challenges" không đúng ngữ pháp vì "many types" phải đi với "have".

D. "Many types of family have its own strengths and challenges" không đúng ngữ pháp vì "many types" phải đi với "their".

A. "Each type of family has its own strengths and challenges" đúng ngữ pháp và phù hợp ngữ cảnh.

Mỗi loại gia đình có những điểm mạnh và thách thức riêng.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 24 to 28.

Building positive family relationships is essential for creating a supportive and harmonious home environment. To achieve this, (24)_____ communication is crucial. Families should encourage open and honest conversations where everyone feels heard and understood. Spending quality time together, such as sharing meals or engaging in family activities, strengthens bonds and creates lasting memories. Showing appreciation and gratitude for each other fosters mutual respect and a (25)_____ of belonging. Setting clear boundaries and respecting personal space promotes trust and understanding. Supporting each other in both good and challenging times enhances family resilience. Constructively resolving conflicts by (26)_____ on solutions rather than blame helps maintain harmony. (27)_____, encouraging individual growth and celebrating each member's achievements contribute to a positive family dynamic. By incorporating these practices, families can build stronger, more positive relationships (28)_____ enhance the well-being of all members.

Reference: <https://child.unl.edu>

Question 24: A. effectively

B. affect

C. effect

D. effective

Dùng tính từ bổ nghĩa cho danh từ

Question 25: A. sense

B. structure

C. tip

D. sign

A sense of belonging = cảm giác thuộc về (a feeling of being part of a group)

Question 26: A. fostering

B. focusing

C. managing

D. avoiding

Focus on= tập trung vào

Question 27: **A. Moreover**

B. Therefore

C. However

D. Because

Giải quyết xung đột một cách xây dựng bằng cách tập trung vào giải pháp thay vì đổ lỗi giúp duy trì sự hòa hợp.

Hơn nữa, khuyến khích sự phát triển cá nhân và tôn vinh thành tựu của từng thành viên đóng góp vào một động lực gia đình tích cực.

Question 28: A. whose

B. what

C. who

D. that

"That" thay cho danh từ chỉ vật

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 29 to 33.

As a parent, you often may feel like a superhuman circus act as you help bathe, dress, feed, teach, console, and do a multitude of additional tasks for children who seem to have an endless supply of needs. You may feel **exhausted** by all of the demands, but it also can be rewarding to feel needed. “They only are so small for so long,” you may think, “so I’ll just do this for now.” Hold that thought for a moment. Remember that one of your roles as a parent is to prepare your child for an independent, self-sufficient life. If you find that you often step in quickly to help, you may inadvertently communicate that your child is helpless and incapable. How can you strike a balance between nurturing and fostering independence by facilitating competence and confidence?

Create opportunities for your children to feel like "big kids" and learn that they are just as capable. Have your child practice picking out their own clothes, preparing their own snack, ordering for themselves, or asking a store employee a question. For instance, “Excuse me, when will you get more Legos in your store, please?” If you have a neighbor with a younger child, perhaps your child can be a “mommy’s or daddy’s helper” by watching or playing with the neighbor’s child while the parent is busy. Depending on where you live, some children may be able to walk to a friend’s house. Encourage your child to look up answers to questions they don’t know, like the definition of a word.

Establish a chore chart to help children build confidence and learn to take care of themselves. Even toddlers can practice putting toys away, while older children can take on more complex tasks like feeding pets or putting laundry away. Linking allowance to chores can teach children how to manage money. Select household chores rather than self-care activities to earn money, and use three containers labeled “save,” “spend,” and “give” to help children understand saving, spending, and charitable giving.

Children do grow up quickly. Yet, by providing opportunities for independence and teaching **them** important life skills, you can savor the moments while also preparing them for the future.

Reference: <https://www.health.harvard.edu>.

Question 29: What is the best title for the passage?

A. How to Raise Independent Children

B. The Importance of Chores for Kids

C. Balancing Help and Independence

D. Teaching Financial Skills to Children

Đâu là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?

A. Làm thế nào để nuôi dạy trẻ tự lập

B. Tầm quan trọng của công việc nhà đối với trẻ em

C. Cân bằng giữa sự giúp đỡ và sự tự lập

D. Dạy các kỹ năng tài chính cho trẻ em

Đoạn văn cung cấp các chiến lược cụ thể để khuyến khích tính tự lập ở trẻ em, như tạo cơ hội cho trẻ cảm thấy mình là "đứa trẻ lớn", lập bảng công việc và thưởng tiền tiêu vặt. Điều này được thể hiện rõ qua các phần như "Create opportunities for your children to feel like 'big kids'" và "Establish a chore chart to help children build confidence and learn to take care of themselves."

Question 30: What does the word "**exhausted**" in paragraph 1 mostly mean?

A. energized

B. tired

C. excited

D. bored

Từ "exhausted" trong đoạn 1 chủ yếu có nghĩa là gì?

A. Tràn đầy năng lượng

B. Mệt mỏi

C. Hào hứng

D. Chán nản

Question 31: According to the passage, why should parents avoid stepping in too quickly to help their children?

A. It makes children feel unable to do things on their own.

B. It reduces the amount of time parents need to spend.

C. It ensures that tasks are completed properly.

D. It teaches children to be dependent

Theo đoạn văn, tại sao cha mẹ nên tránh can thiệp quá nhanh để giúp con cái?

A. Nó làm cho trẻ cảm thấy không thể tự làm mọi việc.

B. Nó giảm thời gian mà cha mẹ cần bỏ ra.

C. Nó đảm bảo rằng các nhiệm vụ được hoàn thành đúng cách.

D. Nó dạy cho trẻ phụ thuộc.

"If you find that you often step in quickly to help, you may inadvertently communicate that your child is helpless and incapable."

"Nếu bạn thấy rằng mình thường xuyên can thiệp nhanh chóng để giúp đỡ, bạn có thể vô tình truyền đạt rằng con bạn là bất lực và không có khả năng."

Question 32: Which of the following is **NOT** mentioned as an opportunity for children to feel like "big kids"?

- A. Preparing their own snack
- B. Asking a store employee a question
- C. Choosing their own clothes
- D. Driving to a friend's house

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập như một cơ hội để trẻ cảm thấy mình là "đứa trẻ lớn"?

- A. Chuẩn bị đồ ăn nhẹ của riêng mình
- B. Hỏi nhân viên cửa hàng một câu hỏi
- C. Chọn quần áo của riêng mình
- D. Lái xe đến nhà bạn

"Have your child practice picking out their own clothes, preparing their own snack, ordering for themselves, or asking a store employee a question."

"Cho trẻ tập chọn quần áo của riêng mình, chuẩn bị đồ ăn nhẹ của riêng mình, tự mình đặt hàng, hoặc hỏi nhân viên cửa hàng một câu hỏi."

Bản word phát hành trên website Tailieuchuan.vn

Question 33: What does the word "**them**" in paragraph 4 refer to?

- A. children
- B. opportunities
- C. moments
- D. skills

Từ "them" trong đoạn 4 ám chỉ điều gì?

"Yet, by providing opportunities for independence and teaching them important life skills, you can savor the moments while also preparing them for the future."

"Tuy nhiên, bằng cách cung cấp các cơ hội cho sự tự lập và dạy cho chúng những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống, bạn có thể tận hưởng những khoảnh khắc trong khi cũng chuẩn bị cho chúng tương lai."

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 34 to 40.

As far as we know, the term "tiger parenting" did not exist until the publication of Amy Chua's (2011) book, *Battle Hymn of the Tiger Mother*. Amy Chua, a Yale law professor with two daughters, writes about her Chinese heritage and the way it has influenced her parenting choices. Her daughters are not allowed to watch TV or play computer games, have sleepovers or play dates, or get any grade less than an A. Chua claims that these strict policies are the reason why her children have been so successful in school and in their music studies and argues that this type of parenting is common in Asian families. However, critics argue that her methods will not lead to optimal developmental outcomes in children, highlighting the lack of scientific research supporting her claims and the potential reinforcement of stereotypes.

Asian American parenting started gaining scholarly attention with the **landmark** publication of Ruth Chao's (1994) paper in the journal *Child Development*. Her study questioned why Asian American children perform so well academically despite their parents being more likely to use authoritarian parenting styles. This was significant because authoritarian parenting often correlates with poor academic outcomes in European American children. Research also uncovered an achievement/adjustment paradox: despite academic success, Asian American children had lower levels of socio-emotional health. This highlighted the need to clearly define "successful outcomes" in children.

Tiger parenting differs from authoritarian parenting by combining high levels of negative parenting (strict rules) with high levels of positive parenting (warmth and support). After Amy Chua's book, scholarly research aimed to scientifically test tiger parenting. Studies showed that parenting in Hmong, Chinese, and Korean American families is a mix of power-assertive and supportive parenting. The purely power-assertive parenting described in Chua's book was not common. Findings **revealed** that children with supportive parents had better developmental outcomes compared to those with tiger parents.

Supportive parents made up the largest percentage of parents in each data collection wave, contrary to the popular perception of Asian American parents as tiger parents. Children with supportive parents had the highest GPAs, best socio-emotional adjustment, least alienation from parents, and strongest sense of family obligation. This debunks the myth that tiger parenting leads to the best outcomes. The study results have been positively received among Asian Americans, challenging the stereotype and providing a wake-up call to tiger moms and dads. Some European American parents felt reassured about **their** own parenting methods after learning about the study's findings.

Regardless of how the data is analyzed, supportive parenting consistently results in the most well-adjusted, successful children. Supportive parenting involves being warm, using reasoning and explanation when disciplining children, allowing independence when appropriate, and monitoring children's activities. Parents should minimize shouting, shaming, expecting unquestioned obedience, and blaming children for past mistakes. These findings encourage parents to adopt supportive parenting techniques for better child development outcomes.

Reference: <https://www.apadivisions.org>.

Question 34: What would be the best title for the passage?

- A. The Evolution of Asian American Parenting
- B. The Impact of Tiger Parenting on Children**
- C. Comparing Different Parenting Styles
- D. Supportive Parenting: The Key to Success

Đâu là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?

- A. Sự phát triển của việc nuôi dạy con cái của người Mỹ gốc Á
- B. Tác động của việc nuôi dạy con kiểu "hổ mẹ" đối với trẻ em
- C. So sánh các phong cách nuôi dạy con khác nhau
- D. Nuôi dạy con cái hỗ trợ: Chìa khóa thành công

Đoạn văn tập trung vào việc giải thích và phân tích tác động của việc nuôi dạy con kiểu "hổ mẹ" đến sự phát triển của trẻ em, với sự so sánh và đối chiếu với các kiểu nuôi dạy con khác. "Tiger parenting is a little different than authoritarian parenting..." và "Supportive parents made up the largest percentage of parents..."

Question 35: The word "**revealed**" in paragraph 3 is opposite in meaning to _____.

- A. hidden**
- B. exposed
- C. involved
- D. displayed

Từ "revealed" trong đoạn 3 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. che đậy, ẩn giấu

- B. tiếp xúc
- C. tham gia,đính lều
- D. hiển thị

Question 36: The word “**landmark**” in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- A. insignificance
- B. milestone**
- C. fashion
- D. development

Từ "landmark" trong đoạn 2 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. không quan trọng
- B. cột mốc**
- C. thời trang
- D. sự phát triển

Question 37: Which of the following is NOT stated in the passage?

- A. Amy Chua's book received mixed reactions.
- B. Authoritarian parenting is common in Asian American families.
- C. Supportive parents make up the largest percentage of parents in the study.
- D. Children with strict parents have the best developmental outcomes.**

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập trong đoạn văn?

- A. Cuốn sách của Amy Chua nhận được phản ứng trái chiều.
- B. Nuôi dạy con kiểu độc đoán phổ biến ở các gia đình Mỹ gốc Á.
- C. Cha mẹ hỗ trợ chiếm tỷ lệ lớn nhất trong nghiên cứu.
- D. Trẻ em có cha mẹ nghiêm khắc có kết quả phát triển tốt nhất.

"Children with supportive parents show the highest GPA, the best socio-emotional adjustment..."

"Trẻ em có cha mẹ hỗ trợ có điểm GPA cao nhất, điều chỉnh cảm xúc xã hội tốt nhất..."

Question 38: The word “**their**” in paragraph 4 refers to _____.

- A. parents**
- B. children
- C. findings
- D. methods

Từ "their" trong đoạn 4 ám chỉ đến _____.

- A. cha mẹ
- B. trẻ em
- C. kết quả
- D. dữ liệu

"Some European American parents felt reassured about **their** own parenting methods after learning about the study's findings."

Một số phụ huynh người Mỹ gốc Âu cảm thấy yên tâm về phương pháp nuôi dạy con cái của họ sau khi biết về kết quả nghiên cứu.

Question 39: According to the passage, a core value in supportive parenting is _____.

A. strict discipline

B. high academic expectations

C. spending quality time together

D. fostering independence

Theo đoạn văn, một giá trị cốt lõi trong việc nuôi dạy con cái hỗ trợ là _____.

A. kỷ luật nghiêm khắc

B. kỳ vọng cao về học tập

C. dành thời gian chất lượng bên nhau

D. khuyến khích sự tự lập

Regardless of how the data is analyzed, supportive parenting consistently results in the most well-adjusted, successful children. Supportive parenting involves being warm, using reasoning and explanation when disciplining children, allowing independence when appropriate, and monitoring children's activities.

Bất kể dữ liệu được phân tích như thế nào, việc nuôi dạy con cái hỗ trợ luôn mang lại kết quả tốt nhất cho những đứa trẻ phát triển toàn diện và thành công. Nuôi dạy con cái hỗ trợ bao gồm việc thể hiện sự ấm áp, sử dụng lý luận và giải thích khi kỷ luật trẻ, cho phép trẻ tự lập khi thích hợp và giám sát các hoạt động của trẻ.

Question 40: It can be inferred from the passage that _____.

A. Tiger parenting guarantees academic success.

B. Supportive parenting leads to the best overall outcomes for children.

C. European American parenting styles are ineffective.

D. Harsh parenting is the most common in Asian families.

Có thể suy ra từ đoạn văn rằng _____.

A. Nuôi dạy con kiểu "hồ mẹ" đảm bảo thành công học tập.

B. Nuôi dạy con cái hỗ trợ mang lại kết quả tổng thể tốt nhất cho trẻ em.

C. Các phong cách nuôi dạy con của người Mỹ gốc Âu là không hiệu quả.

D. Nuôi dạy con nghiêm khắc là phổ biến nhất trong các gia đình người Á.

"Regardless of how we analyze the data, we find that supportive parenting always comes out on top..."

"Bất kể chúng tôi phân tích dữ liệu như thế nào, chúng tôi thấy rằng nuôi dạy con cái hỗ trợ luôn đứng đầu..."

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.